

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

Giải thể thao học sinh phổ thông toàn quốc năm 2026

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-BGDĐT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Đẩy mạnh cuộc vận động “toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”; thường xuyên tập luyện, thi đấu thể thao nhằm rèn luyện sức khỏe, phát triển thể chất, góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1680/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới; Kế hoạch số 1864/KH-BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện Chiến lược phát triển Thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong ngành Giáo dục.

2. Yêu cầu

- Công tác tổ chức Giải đảm bảo công bằng, trung thực, an toàn và hiệu quả; tạo điều kiện thuận lợi và thu hút đông đảo các đơn vị, địa phương tham gia dự thi.

- Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 15/2002/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc chống tiêu cực trong các hoạt động thể dục thể thao.

- Sở GDĐT các tỉnh/thành phố thành lập đoàn vận động viên (học sinh) dự thi đúng độ tuổi, đối tượng; thực hiện đúng quy định của Luật, Điều lệ, quy định của Ban tổ chức (BTC) Giải. Giám đốc Sở GDĐT chịu trách nhiệm toàn diện về nhân sự đăng ký tham dự Giải của đơn vị mình.

Điều 2. Đơn vị, đối tượng dự thi

1. Đơn vị dự thi: Mỗi Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) tỉnh/thành phố là một (01) đơn vị dự thi.

2. Đối tượng dự thi và quy định về độ tuổi

2.1. Đối tượng dự thi

a) Học sinh học chương trình giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục trung học nghề; học viên học chương trình giáo dục thường xuyên (gọi chung là học sinh) từ đủ 18 tuổi trở xuống, đang học tập tại các trường tiểu học, trường

trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên, trường trung học nghề (sau đây gọi tắt là các cơ sở giáo dục) trên toàn quốc.

b) Học sinh đảm bảo đủ sức khỏe, không có tiền sử bệnh lý về tim mạch, thần kinh và các bệnh lý khác không đủ sức khỏe để thi đấu thể thao.

2.2. Phân chia hệ thi đấu

a) Hệ nâng cao

- Học sinh là VĐV đã và đang được đào tạo tại các trung tâm, câu lạc bộ đào tạo VĐV thuộc các Bộ, ngành, địa phương (từ cấp xã/phường, tỉnh/thành phố), trường năng khiếu thể dục thể thao, trường phổ thông năng khiếu thể dục thể thao được hưởng chế độ từ ngân sách nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp trong khoảng thời gian từ 01/01/2024 đến thời điểm tổ chức Giải

- Học sinh đã đoạt huy chương tại các giải thể thao thuộc hệ thống giải thể thao trong nước và quốc tế hằng năm do Cục Thể dục thể thao Việt Nam, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch; các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia, quốc tế tổ chức (theo hệ thống giải thi đấu hằng năm).

b) Hệ phong trào: Học sinh không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, mục 2.2, khoản 2, Điều 2 được xếp thi đấu ở hệ phong trào.

2.3. Quy định độ tuổi:

a) Học sinh Tiểu học (TH) từ 7 đến 11 tuổi

+ Độ tuổi: 07 - 09 tuổi (sinh từ 31/12/2019 trở về trước đến 01/01/2017).

+ Độ tuổi: 10 - 11 tuổi (sinh từ 31/12/2016 trở về trước đến 01/01/2015).

b) Học sinh Trung học cơ sở (THCS) từ 12 đến 15 tuổi

+ Độ tuổi: 12 - 13 tuổi (sinh từ 31/12/2014 trở về trước đến 01/01/2013).

+ Độ tuổi: 14 - 15 tuổi (sinh từ 31/12/2012 trở về trước đến 01/01/2011).

c) Học sinh Trung học phổ thông (THPT): Từ 16 - 18 tuổi (sinh từ 31/12/2010 trở về trước đến 01/01/2008).

Điều 3. Hướng dẫn đăng ký và hồ sơ vận động viên

1. Hình thức đăng ký: Đăng ký trực tuyến trên hệ thống phần mềm (BTC thông báo hướng dẫn chi tiết sau).

2. Thời gian đăng ký

Hệ thống đăng ký trực tuyến tham dự Giải sẽ hết hạn trước **15 ngày** tính đến ngày tổ chức kiểm tra hồ sơ nhân sự. Để công tác thành lập đoàn tham dự Giải của các đơn vị đạt hiệu quả, BTC sẽ thông báo các nội dung/các môn không đủ điều kiện tổ chức thi đấu để các đơn vị rà soát, điều chỉnh trước **10 ngày** hệ thống đăng ký hết hạn.

3. Quy định đăng ký trực tuyến

- Thông tin cá nhân VĐV.
- Ảnh chân dung có dung lượng file nhỏ hơn 2 MB, theo định dạng cho phép (png, gif, jpg, jpeg) và ảnh có kích thước nhỏ hơn 367x488 điểm ảnh.
- Mã học sinh (nguồn: cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GDĐT).
- Căn cước công dân (CCCD)/Căn cước (nguồn: cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư).
- Giấy xác nhận số định danh cá nhân (do công an cấp) hoặc hộ chiếu (đối với học sinh chưa có hoặc mất thẻ CCCD/Căn cước).
- Phiếu thi đấu của từng VĐV (các đơn vị thực hiện ký số, cập nhật trên phần mềm đăng ký trực tuyến).

Lưu ý: Học sinh chưa hoặc đã làm thủ tục cấp căn cước công dân hoặc căn cước nhưng chưa đến thời hạn được nhận, có thể thay thế bằng giấy hẹn trả căn cước công dân/căn cước do cơ quan công an xác nhận.

4. Hồ sơ kiểm tra nhân sự VĐV

Hồ sơ kiểm tra nhân sự gồm:

- Quyết định cử đoàn kèm theo danh sách đoàn (bản dấu đỏ hoặc file ký số, file ký số gửi về thường trực BTC trước khi làm thủ tục kiểm tra nhân sự).
- Văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch xác nhận danh sách VĐV tham gia Giải không thuộc đối tượng hưởng chế độ đào tạo VĐV thể thao từ ngân sách nhà nước (đối với VĐV thi hệ phong trào).
- Bản cam kết đủ sức khỏe thi đấu thể thao và miễn trừ trách nhiệm của VĐV, gia đình được nhà trường xác nhận (theo mẫu).

5. Các quy định khác

5.1. Mỗi vận động viên (VĐV) được tham gia thi đấu 01 môn thể thao.

5.2. Điều kiện tổ chức thi đấu

- Các nội dung chỉ tổ chức thi đấu khi có từ tối thiểu 05 đăng ký của 03 đơn vị trở lên.
- Đối với các nội dung đồng đội/tiếp sức của môn bơi, điền kinh, võ cổ truyền: chỉ tổ chức thi đấu khi có tối thiểu từ 04 đăng ký của 04 đơn vị (nội dung có 04 đăng ký, BTC sẽ trao 01 huy chương vàng, 01 huy chương bạc, 01 huy chương đồng).

Điều 4. Tính điểm và xếp hạng

1. Cách tính điểm, xếp hạng

- Cách tính điểm xếp hạng nội dung thi: Xếp hạng 1 = 11 điểm; xếp hạng 2 = 09 điểm; xếp hạng 3 = 08 điểm; xếp hạng 4 = 07 điểm; xếp hạng 5 = 06 điểm; xếp hạng 6 = 05 điểm; xếp hạng 7 = 04 điểm; xếp hạng 8 = 03 điểm; xếp hạng 9 = 02 điểm; xếp hạng 10 = 01 điểm.

- Điểm môn thi: Là tổng điểm các nội dung của môn thi mà đơn vị đạt được.

2. Xếp hạng môn thi: Được tính theo thứ tự từ cao xuống thấp theo tổng số điểm đạt được của các đơn vị. Nếu số điểm bằng nhau sẽ xét theo tổng số huy chương (theo thứ tự huy chương Vàng, Bạc, Đồng) của đơn vị đạt được.

Điều 5. Thời gian, địa điểm

1. Thời gian: từ 20/6/2026 đến 30/6/2026.

2. Địa điểm: tỉnh Lâm Đồng

Điều 6. Kinh phí

1. Bộ GDĐT phối hợp với đơn vị đăng cai đảm nhiệm kinh phí tổ chức Giải từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí xã hội hóa hợp pháp khác.

2. Các đơn vị tham dự đảm bảo kinh phí bồi dưỡng tập luyện, ăn, ở đi lại trong quá trình tham dự Giải cho các thành viên của đoàn theo quy định hiện hành.

Chương II ĐIỀU LỆ TỪNG MÔN

Điều 7. Môn Bơi

1. Đối tượng: Học sinh hệ nâng cao và hệ phong trào. Học sinh thuộc đối tượng nào chỉ được phép đăng ký nội dung thi ở hệ đó.

2. Nội dung thi đấu

2.1. Hệ nâng cao (dành cho cả nam và nữ)

- Bơi tự do: 50m, 100m, 200m, 400m.

- Bơi ếch: 50m, 100m, 200m.

- Bơi ngựa: 50m, 100m.

- Bơi bướm: 50m, 100m.

- Bơi tiếp sức: 4 x 100m tự do.

2.2. Hệ phong trào (dành cho cả nam và nữ)

a) Cấp Tiểu học

- *Nhóm tuổi 7 đến 8:* Bơi tự do 50m, 100m; Bơi ếch 50m, 100m; Bơi tiếp sức phối hợp nam - nữ: 4 x 50m tự do (02 nam; 02 nữ).

- *Nhóm tuổi 9 đến 11:* Bơi tự do 50m, 100m; Bơi ếch 50m, 100m; Bơi ngựa 50m; Bơi tiếp sức phối hợp nam - nữ: 4 x 50m tự do (02 nam; 02 nữ).

b) Cấp Trung học cơ sở

- *Nhóm tuổi 12-13:* Bơi tự do: 50m, 100m, 200m; Bơi ếch: 50m, 100m; Bơi ngựa: 50m; 100m; Bơi tiếp sức: 4 x 50m tự do.

- *Nhóm tuổi 14-15*: Bơi tự do: 50m, 100m, 200m; Bơi ếch: 50m, 100m; Bơi ngựa: 50m; 100m; Bơi tiếp sức: 4 x 50m tự do.

c) Cấp Trung học phổ thông

Bơi tự do: 50m, 100m, 200m; Bơi ếch: 50m, 100m, 200m; Bơi ngựa: 50m, 100m; Bơi tiếp sức: 4 x 50m tự do.

3. Thể thức thi đấu: Tổ chức thi đấu các cự ly cá nhân và tiếp sức theo các nhóm tuổi quy định.

4. Quy định số lượng đăng ký

- Mỗi nội dung thi đấu, mỗi đơn vị chỉ được phép đăng ký tối đa là 02 VĐV và 01 đội tiếp sức.

- Mỗi VĐV được phép đăng ký tối đa 02 nội dung cá nhân và 01 nội dung tiếp sức.

- Mỗi đơn vị được đăng ký: 40/70 nội dung thuộc hệ phong trào và 24/24 nội dung thuộc hệ nâng cao.

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Bơi của Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành năm 2015.

6. Cơ cấu giải thưởng: 01 HCV, 01 HCB, 02 HCD cho mỗi nội dung thi.

Điều 8. Môn Bóng bàn

1. Đối tượng: Học sinh hệ phong trào.

2. Nội dung thi đấu

2.1. Cấp TH:

- Độ tuổi: 07 - 09 tuổi: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ.
- Độ tuổi: 10 - 11 tuổi: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ.
- Đồng đội nam, đồng đội nữ (chung cho cả 2 độ tuổi).

2.2. Cấp THCS:

- Độ tuổi: 12-13: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ.
- Độ tuổi: 14-15: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ.
- Đồng đội nam, đồng đội nữ (chung cho cả 2 độ tuổi).

2.3. Cấp THPT: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ, đồng đội nam, đồng đội nữ.

3. Thể thức thi đấu

3.1. Thi đấu đồng đội: Thi đấu 05 trận, gồm 04 trận đơn và 01 trận đôi và mỗi đội 03 VĐV, mỗi VĐV chỉ được thi đấu 02 trận.

Thứ tự trận đấu A gặp X, B gặp Y, đôi,

A hoặc B* gặp Z, C gặp X hoặc Y*

(* = Là người không chơi trận đôi).

- Nếu có trên 32 đội: Thi đấu loại trực tiếp.
- Nếu có từ 32 đội trở xuống: Thi đấu theo 02 giai đoạn.
 - + Giai đoạn I: Chia bảng thi đấu vòng tròn một lượt chọn đội nhất, nhì vào giai đoạn II (mỗi bảng không quá 05 đội, số lượng bảng theo công thức 2^n).
 - + Giai đoạn II: Thi đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết (theo mã trận đã được bốc thăm).

3.2. Thi đấu đơn, đôi: Thi đấu loại trực tiếp

- Cấp TH và THCS: Các trận đều thi đấu trong 05 ván, thắng 03.
- Cấp THPT: Đơn thi đấu trong 07 ván, thắng 04; đôi và đồng đội thi đấu trong 05 ván, thắng 03.
- Các VĐV cùng đơn vị không gặp nhau ở trận thi đấu đầu.

4. Quy định số lượng đăng ký:

4.1. Cấp TH: 01 đội nam, 01 đội nữ (mỗi đội không quá 05 VĐV), giải đơn và đôi được chia thi đấu theo 02 lứa tuổi (7-9 tuổi và 10-11 tuổi) mỗi lứa tuổi được cử 02 đơn nam, 02 đơn nữ, 01 đôi nam, 01 đôi nữ, 02 đôi nam nữ.

4.2. Cấp THCS: 01 đội nam, 01 đội nữ (mỗi đội không quá 05 VĐV), giải đơn và đôi được chia thi đấu theo 02 lứa tuổi (12-13 tuổi và 14-15 tuổi) mỗi lứa tuổi được cử 02 đơn nam, 02 đơn nữ, 01 đôi nam, 01 đôi nữ, 02 đôi nam nữ.

4.3. Cấp THPT: 01 đội nam, 01 đội nữ (mỗi đội không quá 05 VĐV).

Mỗi VĐV được phép thi đấu tối đa 02 nội dung không kể đồng đội.

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Bóng bàn hiện hành của Tổng cục TDTT (nay là Cục TDTT Việt Nam), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Quy định mỗi ván đấu: 11 điểm

6. Quy định khác

- Chọn hạt giống: đơn vị đăng cai tổ chức giải được ưu tiên chọn làm hạt giống.
- Bóng thi đấu: do Ban Tổ chức quyết định và sẽ có thông báo sau.
- Trang phục thi đấu
 - + Đồng phục trong thi đấu đồng đội và đôi.
 - + Trang phục không được trùng màu với màu của bóng thi đấu.
 - + Áo thi đấu của các VĐV khi tham gia giải đồng đội, đôi và đơn phải có tên đơn vị in đằng sau lưng.

7. Cơ cấu giải thưởng: 01 HCV, 01 HCB, 02 HCD cho mỗi nội dung thi.

Điều 9. Môn Cầu lông

1. Đối tượng: Học sinh hệ phong trào.

2. Nội dung thi đấu

2.1. Cấp THCS:

- Độ tuổi 12 - 13: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ, đồng đội nam, đồng đội nữ.

- Độ tuổi 14 - 15: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ, đồng đội nam, đồng đội nữ.

2.2. Cấp THPT: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ, đồng đội nam, đồng đội nữ.

3. Thể thức thi đấu

3.1. Thi đấu đồng đội:

- Mỗi trận đồng đội thi đấu 02 trận đơn và 01 trận đôi (thi đấu 3 ván 21 thắng 2).

- Mỗi đội phải có tối thiểu 03 VĐV tham gia thi đấu.

- Thứ tự trận đấu sẽ được chọn theo nguyên tắc ưu tiên các vận động viên không phải thi đấu 2 trận liên tiếp, cụ thể như sau:

+ **Phương án 1:** Đơn 1 - Đơn 2 - Đôi.

+ **Phương án 2:** Đơn 2 - Đơn 1 - Đôi.

Trong trường hợp không thỏa mãn các điều kiện trên, phương án 1 sẽ được chọn và vận động viên thi đấu liên tiếp sẽ được nghỉ 20 phút giữa hai trận.

- Nếu có từ 17 đội trở lên: Thi đấu loại trực tiếp.

- Nếu có từ 16 đội trở xuống: Thi đấu theo 02 giai đoạn.

+ Giai đoạn I: Chia bảng thi đấu vòng tròn một lượt chọn đội nhất, nhì vào giai đoạn II (mỗi bảng không quá 04 đội, số lượng bảng theo công thức 2^n).

+ Giai đoạn II: Thi đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết (theo mã trận đã bốc thăm).

3.2. Thi đấu đơn, đôi: Thi đấu loại trực tiếp.

4. Quy định số lượng đăng ký

4.1. Mỗi đơn vị đăng ký một đội tối đa không quá 05 VĐV nam và 05 VĐV nữ cho mỗi nhóm tuổi.

4.2. Thi đấu đồng đội: Mỗi đơn vị đăng ký từ 3 - 5 VĐV cho mỗi nội dung đồng đội.

4.3 Thi đấu đơn, đôi: Mỗi đơn vị được đăng ký tối đa: 2 đơn nam, 2 đơn nữ, 1 đôi nam, 1 đôi nữ và 2 đôi nam nữ cho mỗi nhóm tuổi.

4.4. Mỗi VĐV chỉ được đăng ký thi đấu tối đa 03 nội dung (bao gồm cả nội dung đồng đội).

5. Luật thi đấu

5.1. Áp dụng Luật thi đấu Cầu lông hiện hành do Ủy ban Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành theo Quyết định số 1154/QĐ-UBTDTT ngày 29/6/2006 và các điều luật bổ sung, thay thế của Liên đoàn cầu lông Thế giới.

5.2. Tất cả các nội dung thi đấu 3 séc thắng 2 (séc 21 điểm).

6. Các Quy định khác

6.1. Các cá nhân cùng đơn vị không gặp nhau trong trận đầu tiên.

6.2. Cầu thi đấu: Do Ban Tổ chức quyết định và sẽ có thông báo sau.

6.3. Trang phục thi đấu

- Sau lưng áo về phía gần cổ áo, phải in tên đơn vị thi đấu (chiều cao chữ: 5cm).
- Đồng phục quần và áo trong thi đấu các nội dung đấu đồng đội và đôi.
- Khi thay trang phục, vận động viên chỉ được sử dụng trang phục cùng kiểu dáng, màu sắc với trang phục đang thi đấu.

7. Cơ cấu giải thưởng: 01 HCV, 01 HCB, 02 HCD cho mỗi nội dung thi.

Điều 10. Môn Điền kinh

1. Đối tượng: Học sinh hệ nâng cao và hệ phong trào. Học sinh thuộc đối tượng nào chỉ được phép đăng ký nội dung thi ở hệ đó.

2. Nội dung thi đấu

2.1. Hệ phong trào

a) Nội dung thi cá nhân

- Cấp TH (dành cho cả nam và nữ): Chạy 60m, bật xa tại chỗ, chạy 500m.

- Cấp THCS:

+ Nữ: Chạy 100m, 300m, 800m, nhảy xa, nhảy cao.

+ Nam: Chạy 100m, 300m, 1500m, nhảy xa, nhảy cao.

- Cấp THPT:

+ Nữ: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ 3kg.

+ Nam: Chạy 100m, 200m, 400m, 1500m, nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ 5kg.

b) Nội dung thi đồng đội

- Cấp TH: chạy tiếp sức 4x50m (nam, nữ).

- Cấp THCS: chạy tiếp sức 4x100m (nam, nữ); chạy tiếp sức 4 x 100m hỗn hợp (2 nam và 2 nữ).

- Cấp THPT: chạy tiếp sức 4x100m (nam, nữ); chạy tiếp sức 4x100m hỗn hợp (2 nam và 2 nữ).

2.2. Hệ nâng cao: dành cho học sinh cấp THPT

a) Nội dung thi cá nhân

- Nữ: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m , nhảy xa, nhảy cao, đẩy tạ 3kg.
- Nam: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, nhảy xa, nhảy cao, đẩy tạ 5kg.

b) Nội dung thi đồng đội

- Tiếp sức 4x100m (nam, nữ);
- Tiếp sức 4x100m hỗn hợp (2 nam và 2 nữ).
- Tiếp sức 4x400m hỗn hợp (2 nam và 2 nữ).

3. Thể thức thi đấu: Cá nhân, đồng đội tiếp sức

4. Quy định số lượng đăng ký

- Mỗi đơn vị được phép đăng ký tối đa là 03 VĐV và 01 đội tiếp sức tham gia thi đấu ở mỗi nội dung (được lấy bất kỳ VĐV có tên trong danh sách đăng ký thi đấu phù hợp với cấp học và hệ thi đấu).

- Mỗi VĐV chỉ được đăng ký tối đa 02 nội dung cá nhân và 01 nội dung tiếp sức.

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Điền kinh hiện hành.

6. Cơ cấu giải thưởng: 01 HCV, 01 HCB, 02 HCD cho mỗi nội dung thi.

Điều 11 . Võ cổ truyền

1. Đối tượng: Học sinh hệ phong trào.

2. Nội dung thi đấu

2.1. Cấp Tiểu học: Bài căn bản công pháp số I (27 động tác)

a) Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ.

b) Nội dung đồng đội (05 VĐV) gồm: Đồng đội nam, Đồng đội nữ, Đồng đội nam nữ (03 VĐV nam, 02 VĐV nữ hoặc 03 VĐV nữ, 02 VĐV nam).

c) Nội dung đối luyện (từ 03 - 05 VĐV): Bài thi do các đơn vị tự biên soạn, bảo đảm phù hợp với bài Căn bản công pháp số I (27 động tác).

2.2. Cấp THCS:

2.2.1. Nội dung quyền - đối luyện

a) Căn bản công pháp số II (36 động tác):

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ.

- Nội dung đồng đội (05 VĐV) gồm: Đồng đội nam, Đồng đội nữ, Đồng đội nam nữ (03 VĐV nam, 02 VĐV nữ hoặc 03 VĐV nữ, 02 VĐV nam).

- Nội dung đối luyện (từ 03 - 05 VĐV): Bài thi do các đơn vị tự biên soạn, bảo đảm phù hợp với bài Căn bản công pháp II (36 động tác).

b) Bài Ngọc Trản Quyền:

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;

- Nội dung đồng đội (03 - 05 VĐV) gồm: Đồng đội nam, Đồng đội nữ, Đồng đội nam nữ (tối thiểu 01 VĐV nam + 02 VĐV nữ hoặc tối thiểu 01 VĐV nữ + 02 VĐV nam).

2.2.2. Nội dung đối kháng

Mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV nam và 01 VĐV nữ tham gia thi đấu nội dung đối kháng cá nhân ở từng hạng cân sau:

- Nam: trên 42kg đến 45kg, trên 48kg đến 51kg, trên 54kg đến 57kg;
- Nữ: trên 38kg đến 40kg, trên 42kg đến 45kg, trên 48kg đến 51kg.

2.3. Cấp THPT:

2.3.1. Nội dung quyền - đối luyện

a) Căn bản công pháp số III (45 động tác):

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ.
- Nội dung đồng đội (05 VĐV) gồm: Đồng đội nam, Đồng đội nữ, Đồng đội nam nữ (03 VĐV nam, 02 VĐV nữ hoặc 03 VĐV nữ, 02 VĐV nam).
- Nội dung đối luyện (từ 03 - 05 VĐV): Bài thi do các đơn vị tự biên soạn, bảo đảm phù hợp với bài Căn bản công pháp số III (45 động tác).

b) Bài Lão Mai Quyền:

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;
- Nội dung đồng đội (03 - 05 VĐV) gồm: Đồng đội nam, Đồng đội nữ, Đồng đội nam nữ (tối thiểu 01 VĐV nam + 02 VĐV nữ hoặc tối thiểu 01 VĐV nữ + 02 VĐV nam).

2.3.2. Nội dung đối kháng

Mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV nam và 01 VĐV nữ tham gia thi đấu nội dung đối kháng cá nhân ở từng hạng cân sau:

- Nam: trên 45kg đến 48kg, trên 51kg đến 54kg, trên 57kg đến 60kg;
- Nữ: trên 42kg đến 45kg, trên 48kg đến 51kg, trên 54kg đến 57kg.

3. Luật thi đấu: Áp dụng Luật sửa đổi, bổ sung số 128/2024/LĐVTCTVN ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2024 (Luật sửa đổi). Những Điều, khoản không điều chỉnh tại Luật sửa đổi này sẽ được áp dụng theo Luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam năm 2021.

4. Quy định số lượng đăng ký

Mỗi VĐV chỉ được đăng ký tham gia thi đấu tối đa 02 nội dung và mỗi đơn vị được đăng ký tối đa 03 nội dung quyền-đối luyện (cấp tiểu học); tối đa 06 nội dung quyền-đối luyện (cấp THCS, THPT); 04 nội dung thi đấu đối kháng của mỗi cấp học.

5. Cơ cấu giải thưởng: 01 HCV, 01 HCB, 02 HCD cho mỗi nội dung thi.

Chương III

KHEN THƯỞNG - KỶ LUẬT- KHIẾU NẠI

Điều 12. Khen thưởng, kỷ luật và khiếu nại

1. Khen thưởng

Bộ GDĐT khen thưởng cho giải cá nhân, tập thể như sau:

- Trao huy chương vàng, bạc, đồng và giấy chứng nhận thành tích cho các VĐV ở mỗi nội dung của từng môn thi.
- Tặng Cờ: 01 hạng nhất, 01 hạng nhì, 02 hạng ba và cờ khuyến khích cho các đơn vị xếp từ thứ 5 đến thứ 10 theo từng môn thi.
- Cấp Giấy chứng nhận cho các VĐV tham dự Giải.

2. Kỷ luật

Cá nhân, tập thể vi phạm Luật, Điều lệ, quy định của BTC, tùy theo mức độ BTC sẽ có hình thức kỷ luật phù hợp từ cảnh cáo đến truất quyền thi đấu của VĐV, huỷ bỏ thành tích thi đấu của cá nhân vi phạm và thành tích của đồng đội có cá nhân vi phạm và đề nghị cấp trên xét kỷ luật, thông báo về đơn vị quản lý.

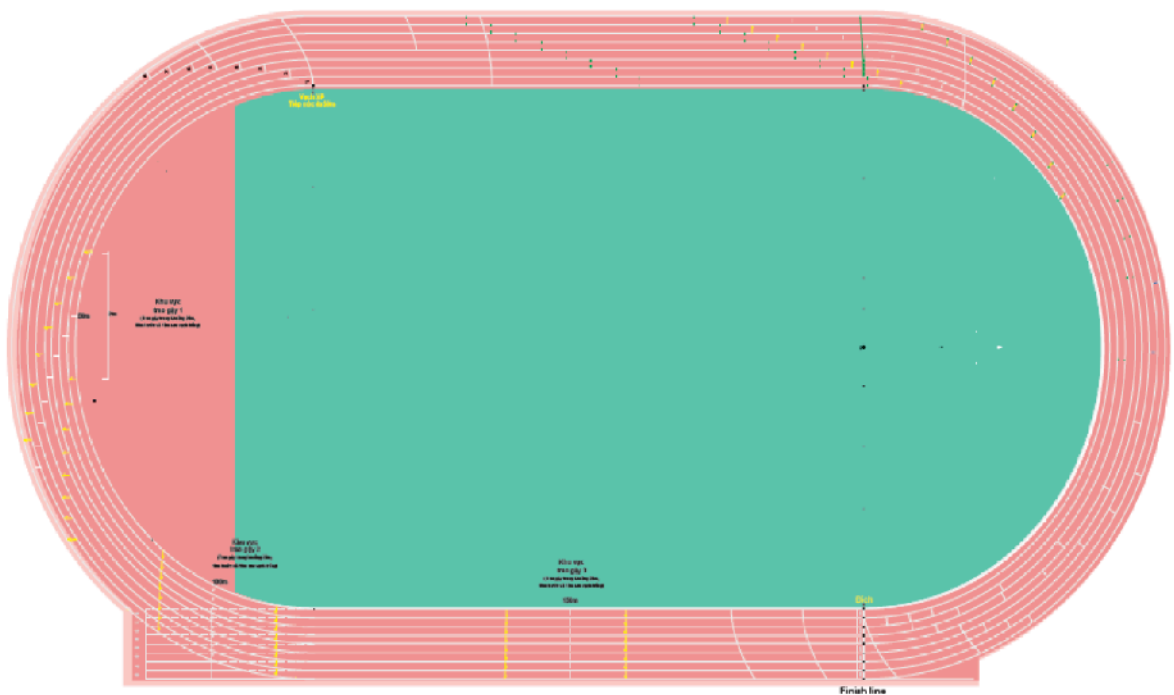
3. Khiếu nại

- Trưởng đoàn, huấn luyện viên mới có quyền khiếu nại về nhân sự và kết quả thi đấu (chuyên môn).
- Ban Tổ chức có trách nhiệm xem xét và xử lý khiếu nại về nhân sự. Nếu chưa xác định được vi phạm về nhân sự dự thi, BTC sẽ kiểm tra sau khi kết thúc Giải, đơn vị vi phạm sẽ chịu toàn bộ kinh phí cho công tác thẩm tra, huỷ toàn bộ kết quả thi đấu của vận động viên đơn vị đó. Tổng trọng tài xử lý các khiếu nại về chuyên môn theo đúng Luật và Điều lệ.
- Lệ phí khiếu nại: 2.000.000đồng/lần (hai triệu đồng).

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG CHẠY TIẾP SỨC 4 x 50M MÔN ĐIỀN KINH
(Ban hành Kèm theo Quyết định số /QĐ-BGDĐT ngày tháng năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

400 METRE STANDARD TRACK, MARKING PLAN

SCALE - 1:350



1. Mỗi đội sẽ có 4 vận động viên thi đấu chính thức, mỗi vận động viên (VĐV) chạy 50m.
2. Vạch xuất phát nội dung tiếp sức 4x50m chính là vạch xuất phát nội dung 200m. VĐV chạy đầu tiên sẽ đứng tại vạch XP 200m, VĐV thứ hai đứng tại vạch 150m, VĐV thứ ba đứng tại vạch 100m, VĐV thứ tư đứng tại vạch 50m.
3. Nội dung chạy tiếp sức 4 x 50m sẽ phải chạy hoàn toàn trong ô chạy riêng.
4. Các vạch rộng 5cm kẻ ngang qua đường đua để đánh dấu cự ly của các đoạn và để biểu thị vạch xuất phát.
5. Khu vực trao gậy có chiều dài 20m và ở giữa khu vực trao gậy có đánh dấu bằng vạch kẻ ngang. Khu vực trao gậy này phải bắt đầu trước 10m và kết thúc sau 10m vạch kẻ ngang khu vực trao gậy.

6. Trong các đợt chạy tiếp sức 4 x 50m, các thành viên của đội, trừ người chạy đầu tiên, có thể bắt đầu chạy tối đa 10m từ bên ngoài vùng trao gậy. Dấu phân biệt sẽ được đặt ở từng ô chạy để chỉ rõ giới hạn kéo dài.

7. Trong nội dung chạy tiếp sức 4 x 50m, các VĐV chạy hoàn toàn trong ô riêng, VĐV có thể đánh dấu trên đường chạy trong ô của mình bằng băng dính có kích thước tối đa rộng 5cm x dài 40cm, có màu hoàn toàn khác và không bị lẫn với các vật đánh dấu cố định khác.

8. Gậy phải là một ống rỗng và nhẵn, có tiết diện tròn, làm bằng gỗ, kim loại hoặc bất kỳ vật liệu cứng nào khác. Chiều dài của gậy từ 28cm đến 30cm. Chu vi của gậy là 12cm đến 13cm, trọng lượng tối thiểu 50gr. Gậy phải có màu sao cho dễ nhận thấy trong lúc thi đấu. Mỗi gậy phải đánh số khác nhau, theo thứ tự từ 1 đến 8.

9. VĐV phải cầm gậy bằng tay trong suốt đợt chạy. VĐV không được đeo găng tay hay bôi chất hỗ trợ nào giúp nắm gậy trong tay. Nếu VĐV nào làm rơi gậy, VĐV đó phải tự mình nhặt và trao lại cho VĐV nhận gậy. VĐV có thể chạy sang ô khác để nhặt gậy miễn sao là khi đó VĐV không làm ngăn quãng đường mà mình phải chạy và không làm cản trở VĐV khác. Nếu VĐV thực hiện đúng yêu cầu và không làm cản trở VĐV khác thì việc đánh rơi gậy không làm VĐV bị truất quyền thi đấu.

10. Gậy được trao trong khu vực trao gậy. Việc trao gậy bắt đầu từ khi VĐV nhận gậy chạm tay vào gậy và kết thúc khi VĐV đó hoàn toàn nắm gậy. Bên trong vùng trao gậy, chỉ tính đến vị trí của gậy chứ không phải vị trí cơ thể của VĐV. Trao gậy tiếp sức ở bên ngoài khu vực trao gậy sẽ bị truất quyền thi đấu.

11. Sau khi đã nhận và trao gậy, các VĐV vẫn phải chạy trong ô hoặc khu vực trao gậy của mình cho tới khi các VĐV khác đã chạy qua để tránh gây cản trở tới các VĐV khác. Nếu VĐV nào cố tình cản trở VĐV đội khác bằng cách chạy ra khỏi khu vực hoặc ô chạy của mình thì đội của VĐV đó sẽ bị truất quyền thi đấu.

12. Hỗ trợ bằng cách đẩy hoặc bất cứ cách nào khác đều bị truất quyền thi đấu.

13. Khi một đội tiếp sức đã bắt đầu thi đấu chỉ có 2 VĐV được đăng ký dự bị cho thành phần đội ở vòng đấu sau. VĐV dự bị của các đội tiếp sức phải là các VĐV đã có tên trong danh sách đăng ký thi đấu. Khi 1 VĐV đã thi đấu trong vòng đấu trước bị thay ra thì VĐV đó không được quay lại đội nữa. Nếu đội nào không tuân theo điều này sẽ bị truất quyền thi đấu.

14. Thành phần và thứ tự của đội tiếp sức phải được khẳng định chính thức bằng văn bản ít nhất 1 giờ trước thời gian điểm danh đầu tiên của đợt chạy đầu tiên trong nội dung đó. Nếu sau đó có thay thế phải được sự chấp nhận của giám sát y tế do Ban tổ chức chỉ định và muộn nhất là khi điểm danh lần cuối cùng trước đợt chạy của đội đó. Nếu đội nào không tuân theo điều này sẽ bị truất quyền thi đấu.

15. Các thành viên trong 1 đội tiếp sức phải mặc đồng phục giống nhau cả quần và áo.

16. Số đeo bằng chữ viết tắt tên đơn vị sẽ được đeo trước ngực. Số đeo bằng số sẽ được đeo sau lưng.

17. VĐV về đích sai ô chạy sẽ bị tính là phạm quy.

HƯỚNG DẪN CÁCH TÍNH ĐIỂM

* Đối với các nội dung loại trực tiếp: các đội có cùng thành tích ở cùng một vòng đấu sẽ tính đồng thứ hạng (chỉ lấy tối đa đến thứ tự thứ 16).

Ví dụ: nội dung đơn nam môn cầu lông có 30 vận động viên thi đấu, theo cách như trên thì điểm mỗi VĐV sẽ được tính của từng vòng như sau:

- 02 đội thắng ở bán kết: xếp thứ tự 01, 02.
- 02 đội thua ở bán kết: xếp thứ tự 03, 04 (nếu không tranh 03-04 thì sẽ xếp đồng hạng 3).
- 04 đội thua ở tứ kết: xếp đồng hạng 05 (thứ tự từ 05-08)
- 08 đội thua ở vòng 1/8: xếp đồng hạng 09 (thứ tự từ 09-16).

Như vậy, với cách tính điểm như trên với các nội dung thi đấu loại trực tiếp sẽ tính điểm được tối đa đến đội thứ 16, không xếp thứ hạng thứ 10.

* Đối với các nội dung chia bảng: kết thúc vòng bảng, ngoài các đội được lựa chọn vào thi đấu vòng tứ kết, bán kết, chung kết được xếp thứ hạng từ 01-08, các đội cùng thứ hạng còn lại ở mỗi bảng được tính điểm bằng nhau (các đội được xếp đến đồng hạng 09, thì các đội còn lại sẽ tính đồng hạng 10).

Ví dụ:

Đối với những nội dung có chia 04 bảng, mỗi bảng 05 đội, tùy thuộc thể thức thi đấu, trong trường hợp này sau khi thi đấu vòng tròn 1 lượt tính điểm, xếp hạng/bảng, sẽ lựa chọn 02 đội nhất, nhì của mỗi bảng vào thi đấu vòng 2:

- 08 đội được lựa chọn vào thi đấu vòng 1/8, như vậy theo cách tính điểm trên đã xác định được 08 thứ hạng (*sau khi thi đấu tứ kết, bán kết, chung kết sẽ xác định cụ thể được từng hạng và tính tương ứng ra điểm*).

- 04 đội xếp thứ 03 của mỗi bảng: vì lý do đã xác định được 08 thứ hạng, do đó 04 đội này sẽ được tính đến thứ hạng thứ 09 và xếp đồng hạng.

- Các đội còn lại: xếp thứ 04, 05 của mỗi bảng sẽ xếp đồng hạng 10.